

Số: 01/2017/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý, vận hành và sử dụng nhà ở công vụ
giáo viên, bác sĩ và nhân viên y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 27/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn nhà ở công vụ;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà công vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại tờ trình số 1333/TT-SXD ngày 04 tháng 11 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, vận hành và sử dụng nhà ở công vụ giáo viên, bác sĩ và nhân viên y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các Sở, ban ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT và các PCT/UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT+NC/KTN.nbht

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hùng

QUY ĐỊNH

Về quản lý, vận hành và sử dụng nhà ở công vụ
giáo viên, bác sĩ và nhân viên y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND.HC
ngày 03 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định cụ thể về việc vận hành và sử dụng nhà ở công vụ giáo viên, bác sĩ và nhân viên y tế (gọi tắt là nhà ở công vụ), bao gồm: quy định đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục cho thuê nhà ở công vụ; giá cho thuê nhà ở công vụ; hợp đồng thuê nhà ở công vụ; quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Là cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên thuộc ngành giáo dục (gọi tắt là giáo viên), bác sĩ và nhân viên y tế thuộc diện được thuê nhà ở công vụ.
2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cho thuê, quản lý, sử dụng nhà ở công vụ.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG NHÀ Ở CÔNG VỤ

Điều 3. Các đơn vị quản lý, vận hành nhà ở công vụ

1. Ủy ban nhân dân Tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho thuê nhà công vụ giao cho các đơn vị nêu tại Điểm b, c Khoản 2 Điều này quản lý; uỷ quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho thuê nhà ở công vụ nêu tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan quản lý nhà ở công vụ:

a) Nhà ở công vụ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý theo phương án sắp xếp nhà đất thuộc sở hữu nhà nước thì Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà ở công vụ.

b) Nhà ở công vụ đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo theo phương án sắp xếp nhà đất thuộc sở hữu nhà nước, thì Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan quản lý nhà ở công vụ.

c) Nhà ở công vụ đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh giao cho Sở Y tế sử dụng theo phương án sắp xếp nhà đất thuộc sở hữu nhà nước, thì Sở Y tế là cơ quan quản lý nhà ở công vụ.

3. Đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ: Nhà ở công vụ nằm trong khuôn viên hoặc nằm kề khuôn viên trường học hoặc cơ sở y tế thì giao cho trường học hoặc cơ sở y tế thực hiện việc quản lý vận hành nhà ở công vụ đó.

4. Nhà ở công vụ được xây dựng kiên cố thì mới sử dụng để cho thuê (đối với các căn nhà được xây dựng trước năm 2016 theo Phụ lục 1 kèm theo Quy định này). Việc quản lý, bảo trì, cải tạo nhà ở công vụ được thực hiện theo quy định về quản lý, bảo trì, cải tạo nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

5. Hoạt động quản lý vận hành nhà ở công vụ được hưởng phân chi phí quản lý vận hành trong cấu thành giá cho thuê theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Điều 4. Đối tượng được thuê nhà ở công vụ

1. Giáo viên đến công tác tại các điểm trường có nhà công vụ.
2. Bác sĩ và nhân viên y tế đến công tác tại bệnh viện có nhà công vụ.

Điều 5. Điều kiện được thuê nhà ở công vụ

1. Có quyết định điều động, luân chuyển hoặc cử đến công tác tại các điểm trường, bệnh viện có nhà công vụ.

2. Thuộc diện chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình và chưa được thuê, thuê mua hoặc mua nhà ở xã hội tại nơi đến công tác hoặc đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại nơi đến công tác nhưng có diện tích nhà ở bình quân trong hộ gia đình dưới 15 m² sàn/người.

3. Trường hợp cử đến công tác tại khu vực nông thôn thì phải ngoài địa bàn cấp huyện và cách nơi ở của mình đến nơi công tác từ 30 km trở lên; trường hợp đến công tác tại khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới; vùng sâu, vùng xa theo Phụ lục 2 thì phải cách xa từ nơi ở của mình đến nơi công tác tối thiểu là 10km.

4. Giáo viên, bác sĩ và nhân viên y tế có chức danh tương đương công chức A0, A1, A2 hoặc chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,2 trở lên được bố trí nhà ở công vụ có diện tích từ 40m² trở lên; giáo viên, bác sĩ và nhân viên y tế có chức danh tương đương công chức B, C được bố trí nhà ở công vụ có diện tích dưới 40m².

Điều 6. Tiêu chí xét duyệt đối tượng được thuê nhà ở công vụ

1. Trường hợp không có loại nhà hoặc không đủ chỗ bố trí theo điều kiện nêu tại Điều 5 thì việc sắp xếp cho thuê nhà ở được thực hiện như sau:

- a) Bố trí theo loại nhà hiện có;
- b) Ưu tiên cho người ở xa;
- c) Được sắp xếp ở ghép khi có sự đồng ý của đối tượng được thuê nhà.

2. Trường hợp khi xét duyệt theo tiêu chí ưu tiên theo quy định tại Khoản 1 Điều này có từ 02 cá nhân trở lên thuộc đối tượng ưu tiên như nhau mà phải lựa chọn thì đơn vị quản lý nhà ở công vụ xem xét, quyết định.

3. Trường hợp đã cho các đối tượng đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 5 của Quy định này thuê, mà còn nhà ở công vụ thì giao đơn vị quản lý, vận hành phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét, tiếp tục đề xuất việc cho thuê đối với từng trường hợp cụ thể (hợp đồng thuê ngắn hạn không quá 12 tháng).

Điều 7. Trình tự, thủ tục thuê nhà ở công vụ

1. Đối với giáo viên, bác sĩ và nhân viên y tế thuộc đối tượng được thuê nhà ở công vụ quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định này nếu có nhu cầu thuê nhà ở công vụ thì phải có đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ gửi cơ quan, tổ chức nơi đang công tác; Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ, cơ quan, tổ chức nơi đang công tác gửi 01 bộ hồ sơ thuê nhà ở công vụ đến cơ quan quản lý nhà ở công vụ nêu tại Điều 3 Quy định này (có thể nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện), hồ sơ gồm:

a) 01 đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ (theo mẫu Phụ lục số 01 Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015) đã có xác nhận của cơ quan nơi đang công tác về thực trạng nhà ở.

b) 01 bản sao quyết định bổ nhiệm hoặc điều động, luân chuyển công tác có xác nhận của cơ quan ra quyết định hoặc cơ quan đang trực tiếp quản lý.

2. Căn cứ quỹ nhà ở công vụ hiện có và tiêu chuẩn nhà ở công vụ, cơ quan quản lý nhà ở công vụ nêu tại Điều 3 Quy định này có trách nhiệm kiểm tra, nếu đủ điều kiện cho thuê nhà ở công vụ thì dự thảo quyết định cho thuê nhà ở công vụ; trường hợp không đủ điều kiện thì dự thảo văn bản trả lời nêu rõ lý do và trình Ủy ban nhân dân Tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành trong vòng 20 ngày (trong đó thời gian kiểm tra của cơ quan quản lý nhà ở công vụ tối đa là 10 ngày) kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thuê nhà.

Trường hợp không có đủ nhà để thuê thì lập danh sách báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét giải quyết.

3. Đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ ký kết hợp đồng thuê nhà ở công vụ trực tiếp với người thuê theo quy định sau:

a) Hai Bên trực tiếp trao đổi và ký kết hợp đồng thuê nhà ở công vụ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành.

b) Giá cho thuê nhà ở công vụ theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh tại thời điểm ký kết hợp đồng. Giá cho thuê nhà ở công vụ được Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế của địa phương.

c) Thời hạn cho thuê nhà ở công vụ theo thời hạn mà người thuê nhà được bổ nhiệm, điều động, luân chuyển công tác nhưng tối đa không quá năm (05) năm. Khi hết hạn hợp đồng mà người thuê vẫn thuộc diện được tiếp tục thuê nhà ở công vụ thì Bên cho thuê và Bên thuê nhà ở công vụ tiến hành ký kết hợp đồng mới theo quy định tại Điều này.

d) Đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ có trách nhiệm gửi hợp đồng đã được hai bên ký kết cho cơ quan quản lý nhà ở công vụ và cơ quan quản lý người thuê, mỗi đơn vị 01 bản chính.

Điều 8. Hợp đồng và phương thức thanh toán tiền thuê nhà

1. Việc cho thuê nhà ở công vụ phải được lập thành Hợp đồng theo Mẫu quy định tại Phụ lục số 03 của Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng.

2. Phương thức thanh toán tiền thuê nhà

a) Người được thuê nhà ở công vụ có trách nhiệm trực tiếp thanh toán tiền thuê cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ theo đúng số tiền và thời hạn đã ghi trong hợp đồng.

b) Trường hợp người thuê nhà không trả tiền thuê trong 03 tháng liên tục thì đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người thuê khấu trừ tiền lương của người thuê để thanh toán tiền thuê nhà.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của người thuê nhà ở công vụ

Quyền và nghĩa vụ của người thuê nhà ở công vụ thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Nhà ở năm 2014.

Điều 10. Thu hồi nhà ở công vụ

1. Việc thu hồi nhà ở công vụ thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Nhà ở năm 2014.

2. Trình tự, thủ tục thu hồi và cưỡng chế thu hồi nhà ở công vụ theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng.

Điều 11. Quản lý nguồn thu từ cho thuê nhà ở công vụ

Tiền thu được từ việc cho thuê nhà ở công vụ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 124/2016/TT-BTC ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà ở công vụ

1. Lập, lưu trữ hồ sơ nhà ở công vụ.
2. Báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định cưỡng chế thu hồi nhà ở công vụ.
3. Báo cáo các trường hợp không đủ nhà ở công vụ để bố trí với Ủy ban nhân dân Tỉnh.
4. Kiểm tra, đôn đốc việc cho thuê, quản lý vận hành nhà ở công vụ.
5. Lập kế hoạch bảo trì, cải tạo hoặc xây dựng lại nhà ở công vụ (kể cả nhà ở công vụ không cho thuê) để trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt. Tổ

chức bảo trì, cải tạo nhà ở công vụ theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tập hợp, lưu trữ hồ sơ có liên quan đến quá trình bảo hành, bảo trì, cải tạo nhà ở công vụ.

6. Kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến việc quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

7. Tổng hợp, báo định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu về quản lý vận hành, bảo trì và quản lý cho thuê nhà ở công vụ gửi Sở Xây dựng và cơ quan quản lý nhà ở công vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ

1. Thực hiện quản lý vận hành, cho thuê nhà ở công vụ đảm bảo an toàn, an ninh và vệ sinh môi trường.

2. Xây dựng, ban hành Bản nội quy quản lý sử dụng nhà ở công vụ và phổ biến nội dung Bảng nội quy này cho người thuê.

3. Quản lý các diện tích nhà chưa cho thuê, không cho thuê (nhà bán kiên cố, thiếu kiên cố, nhà đơn sơ, nhà tạm) trong khu nhà ở công vụ được giao quản lý.

4. Trường hợp đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ trực tiếp thu phí sử dụng các dịch vụ như điện, nước, Internet hoặc dịch vụ trông giữ tài sản thì phải đảm bảo nguyên tắc không nhằm mục đích kinh doanh trong hoạt động thu phí này.

5. Kiểm tra, theo dõi phát hiện kịp thời và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm trong quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

6. Phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương trong việc bảo đảm an ninh, trật tự cho người thuê nhà ở công vụ.

7. Phối hợp với Cơ quan quản lý nhà ở công vụ thực hiện thu hồi và quản lý nhà ở công vụ theo quyết định của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

8. Tổng hợp, báo cáo định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Sở Xây dựng về quản lý vận hành, bảo trì và quản lý cho thuê nhà ở công vụ.

9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, ngành Tỉnh

1. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng và trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt giá cho thuê nhà ở công vụ.

b) Kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến việc quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

c) Tổng hợp, báo cáo định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Tỉnh về tình hình quản lý, bố trí cho thuê nhà ở công vụ.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh về giá cho thuê nhà ở công vụ.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có người thuê nhà ở công vụ

1. Thực hiện khấu trừ tiền lương của người thuê nhà ở công vụ để trả tiền thuê nhà công vụ trong trường hợp người thuê không trả tiền thuê trong ba tháng liên tục và thông báo rõ cho người thuê nhà ở công vụ biết về việc trả tiền thuê này.

2. Thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà công vụ biết ngay khi người thuê hết tiêu chuẩn được ở thuê nhà ở công vụ hoặc chuyển công tác hoặc nghỉ công tác hoặc nghỉ hưu.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc báo cáo Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hùng

Phụ lục 1

NHÀ Ở CÔNG VỤ ĐỂ CHO THUÊ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND.HC
ngày 03 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp)*

STT	Đơn vị đang sử dụng	Địa điểm	Tổng số nhà (căn)	Tổng diện tích nhà (m ²)	Năm xây dựng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A	Nhà ở công vụ giáo viên		421	15.471,6	
I	Sở Giáo dục và Đào tạo		173	6368	
1	Trường THPT Long Khánh A	Áp Long Hậu, xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự	5	320,0	2013
2	Trường THPT Hồng Ngự 2	Áp Phú Hòa B, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự	5	234,0	2005
3	Trường THPT Cao Lãnh 2	Áp 1, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh	6	366,0	2008
4	Trường THPT Hồng Ngự 1	Áp An Thành B, An Lộc, thị xã Hồng Ngự	5	225,0	2006
5	Trường THPT Lấp Vò 3	Áp Hưng Thạnh Đông, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò	5	240,0	2004
6	Trường THPT Thanh Bình 2	Xã Tân Bình, huyện Thanh Bình	8	336,0	2005
7	Trường THPT Trường Xuân	Được xây dựng trong khu dân cư, địa chỉ: Áp 5B, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười	2	153	2004
			3	230	2007
			2	130	2010
			4	180	2012
8	Trường THPT Tam Nông	Áp 1, xã Phú Ninh, huyện Tam Nông	13	416,0	2010
9	Trường THPT Giồng Thị Đam	Áp Tân Bảnh, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng	3	168,0	2008
10	Trường THPT Lấp Vò 2	Xã Tân Mỹ, Huyện Lấp Vò	6	240,0	2008
11	Trường THPT Châu Thành 2	Số 75, QL80, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu thành (phía sau trường)	4	160,0	2007
12	Trường THPT Lai Vung 1	Áp Long Thuận, xã Long Hậu, huyện Lai Vung	8	250,0	1997

STT	Đơn vị đang sử dụng	Địa điểm	Tổng số nhà (căn)	Tổng diện tích nhà (m ²)	Năm xây dựng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
13	Trường THPT Tân Hồng	Số 279 Nguyễn Huệ, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng	5	160,0	2005
14	Trường THPT Tân Thành	Áp chiến Thắng, xã Tân Thành A, huyện Tân Hồng	6	336,0	2008
15	Trường THPT Tràm chim	Áp 4, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông	18	288,0	2005
16	Trường THPT Hồng Ngự 3	Xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự	16	256,0	2002
17	Trường THCS-THPT Hòa Bình	Áp 3, xã Hoà Bình, huyện Tam Nông	14	640,0	2010
18	Trường THPT Tháp Mười	Khóm I, TT Mỹ An, Tháp Mười	24	630,0	1991
19	Trường THPT Phú Điền	Áp Mỹ Thạnh, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười	4	330,0	2009
20	Trường THPT Châu Thành 1	205 quốc lộ 80, xã Tân Nhuận Đông, H. Châu Thành	1	25,5	1976
			1	43,8	2010
21	Trường THPT Lai Vung 2	Quốc lộ 54, xã Tân Hòa	5	80,0	
II	Ủy ban nhân dân cấp huyện		248	9.103,6	
	Huyện Châu Thành		44	2032	
1	Trường THCS Phú Long	Xã Phú Long	10	480,0	2005
2	Trường THCS Hòa Tân	Xã Hòa Tân	10	400,0	2001 (5 căn); 2005 (05 căn)
3	Trường THCS An Khánh	Xã An Khánh	9	432,0	2005
4	Trường THCS An Phú Thuận	Xã An Phú Thuận	10	480,0	2005
5	Trường THCS Tân Phú	Xã Tân Phú	5	240,0	2005
	Huyện Hồng Ngự		25	823,5	
6	Trường TH Phú Thuận A3	Áp Phú Thạnh B, xã Phú Thuận A	1	26,04	2009
7	Trường TH Thường Phước 1	Áp 3, xã Thường Phước 1	3	157,5	2006
		Áp 2, xã Thường Phước 1	3	94,5	2008
8	Trường TH Thường Thới Hậu A	Áp Bình Hòa Trung, xã TT. Hậu A	3	72,0	2010

STT	Đơn vị đang sử dụng	Địa điểm	Tổng số nhà (căn)	Tổng diện tích nhà (m ²)	Năm xây dựng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
9	Trường TH Thường Thới Hậu B1	Ấp Bình Hoà Hạ, xã Thường Thới Hậu B	1	80,0	2004
10	Trường THCS Long Khánh B	Ấp Long Thái, xã Long Khánh B	2	72,0	2009
11	Trường THCS Thường Thới Hậu A	Tổ 33, ấp Bình Hòa Trung, xã Thường Thới Hậu A	3	111,5	2005
12	Trường THCS Thường Thới Hậu B	Ấp 1, xã Thường Thới Hậu B	4	100,0	2009
13	Trường THCS Long Thuận	Xã Long Thuận	2	64,0	2009
14	Trường THCS Thường Thới Tiền	Ấp Thượng 2, xã Thường Thới Tiền	3	72,0	2010
Huyện Cao Lãnh			13	358,0	
15	Trường TH-THCS Ba Sao	Ấp 4 xã Ba Sao	2	70,0	2008
16	Trường THCS Gáo Giồng	Ấp 5, xã Gáo Giồng	6	144,0	2010
17	Trường THCS Bình Thạnh	Ấp Bình Linh, xã Bình Thạnh	5	144,0	2010
Huyện Lai Vung			7	217	
18	Trường THCS Phong Hòa	Ấp Tân Bình, Xã Phong Hòa	2	90,0	2004
19	Trường THCS Tân Dương	Ấp Tân Lộc A, Xã Tân Dương	5	127,0	2003
Huyện Lấp Vò			17	826,0	
20	Trường Tiểu học Định Yên 1	Xã Định Yên	2	56,0	2006
21	Trường Tiểu học Bình Thành 2	Xã Bình Thành	1	100,0	1999
22	Trường Tiểu học Bình Thành 3	Xã Bình Thành	2	96,0	2005
23	Trường THCS Long Hưng A	Xã Long Hưng A	10	480,0	2011
24	Trường Tiểu học Mỹ An Hưng A	Xã Mỹ An Hưng A	2	94,0	2012
Huyện Tam Nông			38	1010	
25	Trường TH&THCS Phú Xuân	Ấp Phú Xuân	8	203,36	2009
26	Trường TH An Long B	Ấp An Thịnh, xã An Long	4	168,0	2002
27	Trường TH An Hòa C	Ấp 4, xã An Hòa	4	96,0	2009
28	Trường TH Tân Công Sính B	Ấp Tân Hưng, xã Tân Công Sính	2	96,0	1989
		Ấp Tân Hưng	10	240,0	1982 (Nâng cấp 2015)
29	Trường THCS Phú Ninh	Ấp 1, xã Phú Ninh	7	336,0	2010
30	Trường TH An Hòa A	Ấp 3, xã An Hòa	3	74,0	2012
Huyện Tân Hồng			20	1200	

STT	Đơn vị đang sử dụng	Địa điểm	Tổng số nhà (căn)	Tổng diện tích nhà (m ²)	Năm xây dựng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
31	Trường TH-THCS Thống Nhất-điểm Gò Cát	Áp Thống Nhất-xã Bình Phú	2	120,0	2007
32	Trường TH-THCS Cả Găng -điểm Cả Găng 2	Áp Cả Găng - xã Bình Phú	1	60,0	2007
33	Trường THCS Nguyễn Du	Áp Công Tạo - xã Bình Phú	2	120,0	2008
34	Trường THCS Tân Hộ Cơ	Áp Chiến Thắng, xã Tân Hộ Cơ	3	180,0	2002
35	Trường THCS Thông Bình	Áp Long Sơn, xã Thông Bình	3	180,0	2007
36	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Áp Thống Nhất1- xã Tân Công Chí	4	240,0	2008
37	Trường THCS Tân Phước	Áp Hoàng Việt, xã Tân Phước	3	180,0	2008
38	Trường MN Giồng Găng	Áp Tân Bánh, xã Tân Phước	2	120,0	2008
Huyện Tháp Mười			73	2588,1	
39	Trường THCS Mỹ Đông	Áp 4, xã Mỹ Đông	4	184,8	2004
40	Trường THCS Mỹ Quý	Áp Mỹ Phước 1, xã Mỹ Quý	6	277,2	2004
41	Trường THCS Láng Biên	Áp 2, xã Láng Biên	8	192,0	2009
42	Trường THCS Nguyễn Văn Tre	Áp Lợi An, xã Thanh Mỹ	6	216,0	2009
43	Trường TH Trần Thị Bích Dung	Áp Lợi An, xã Thanh Mỹ	4	96,0	2009
44	Trường THCS Mỹ Hòa	Áp 1, xã Mỹ Hòa	6	384,0	1997
45	Trường THCS Tân Kiều	Áp 2, xã Tân Kiều	6	288,0	1997
46	Trường THCS Trường Xuân	Xã Trường Xuân	8	144,0	2009
47	Trường TH Trường Xuân 2	Áp 6, xã Trường Xuân	3	73,2	2009
48	Trường THCS Hưng Thạnh	Áp 3, xã Hưng Thạnh	8	270,0	2008
49	Trường TH Hưng Thạnh 1	Áp 3, xã Hưng Thạnh	4	140,0	2001
50	Trường THCS Thạnh Lợi	Áp 1, xã Thạnh Lợi	6	170,1	2008
51	Trường TH Thạnh Lợi 2	Áp 4, xã Thạnh Lợi	4	152,8	2008
Thị xã Hồng Ngự			11	266	
52	Trường THCS Tân Hội	Xã Tân Hội	3	72,0	2010
53	Trường THCS An Bình B	Xã An Bình B	2	90,0	2009

STT	Đơn vị đang sử dụng	Địa điểm	Tổng số nhà (căn)	Tổng diện tích nhà (m ²)	Năm xây dựng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
54	Trường THCS Bình Thạnh	Ấp Bình Hòa, xã Bình Thạnh	6	104,0	2008 (2 căn), 2006 (2 căn)
B	Nhà ở công vụ nhân viên y tế		2	659	
	Sở Y tế				
1	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc	1	475	
			1	184	

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP

Phụ lục 2

DANH MỤC XÃ VÙNG SÂU, VÙNG XA VÀ VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND.HC ngày 03 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

STT	Địa điểm	Xã vùng sâu, vùng xa và vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn
1	Huyện Cao Lãnh	Các xã: Phương Thịnh, Ba Sao, Bình Thạnh, Gáo Giồng, Tân Hội Trung.
2	Huyện Thanh Bình	Các xã: Tân Mỹ, Bình Tấn, Phú Lợi, Tân Hoà, Tân Quới, Tân Bình, Tân Huệ, Tân Long.
3	Huyện Lấp Vò	Xã Long Hưng A.
4	Huyện Châu Thành	Các xã: An Khánh, An Phú Thuận, Hoà Tân.
5	Huyện Hồng Ngự	Tất cả các xã, thị trấn.
6	Huyện Tân Hồng	Tất cả các xã, thị trấn.
7	Huyện Tam Nông	Tất cả các xã, thị trấn.
8	Huyện Tháp Mười	Tất cả các xã, thị trấn.
9	Thị xã Hồng Ngự	Tất cả các xã, phường.

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP